

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 22 - 8 -2022
“Về việc tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Vũ
2. Ông Thái Quang Thọ

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26a/2022/QĐST-DS ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chủ Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

Bị đơn: Chị Vi Thị Thanh T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu T, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, những lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Chủ Thị T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết làm ăn với chị Vi Thị Thanh T1 nên từ tháng 3 năm 2015 chị cung cấp thực phẩm cho chị T1, thời gian cung cấp một năm và chị T1 còn nợ chị số tiền hàng là 59.650.000đ (Năm mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Chị đã đến đòi nhiều lần nhưng chị T1 không trả còn xé sổ và đánh chị, sau đó chị T1 đã trả 4 lần được 8.000.000 đ (Tám triệu đồng) cho chị. Đến năm 2021, chị T1 lại gọi điện thoại cho chị bảo chị cung cấp hàng tiếp cho T1 nhưng chị trả lời không cung cấp nữa vì T1 vẫn còn nợ tiền hàng của chị thì T1 nói cứ cung cấp đi mỗi tháng T1 sẽ trả cho 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền nợ hàng cũ và hàng tháng thanh toán tiền hàng mới và giữa chị và chị T1 có làm hợp

đồng mua bán thực phẩm và trong hợp đồng thỏa thuận trả vào ngày 20 hàng tháng. Khi T1 nói như vậy thì chị đồng ý và tiếp tục bán thực phẩm cho chị T1. Tính đến hết ngày 30/12/2021, T1 còn nợ của chị số tiền 78.140.000đồng và 51.650.000đồng trước đó, tổng là 129.790.000đ (Một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Chị đã đến đòi nhiều lần nhưng chị T1 không trả. Chị đã có đơn khởi kiện yêu cầu chị T1 phải trả cho chị số tiền trên. Tuy nhiên, chị T1 chỉ ký xác định nợ tiền hàng của chị chốt đến ngày 30/12/2020 nhưng thực tế là ngày 30/12/2021 do chị T1 ghi nhầm vì hợp đồng là năm 2021, tổng là 76.825.000đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), còn chữ viết phần sau của Hóa đơn giao nhận hàng là của chị viết chữ không phải chữ của chị T1. Nay chị yêu cầu Tòa án buộc chị T1 phải trả cho chị số tiền hàng còn nợ là 76.825.000đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), chị không yêu cầu lãi.

**Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 20/5/2020, bị đơn chị Vi Thị Thanh T1 trình bày:*

Trong quá trình làm ăn với chị Chủ Thị T, chị còn nợ lại tiền hàng của chị T là 76.825.000đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo hóa đơn giao nhận hàng chị có ghi và viết đến phần chữ ghi chưa T toán, chị có ký và ghi nhận lại, còn những chữ ở phía dưới không phải là chữ viết của chị. Do vậy, chị không liên quan gì đến số tiền mà chị T yêu cầu chị phải trả số tiền cũ là 51.650.000đ (Năm mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) vì khoản tiền này chị T tự ghi ra mà không có chữ ký đối chiếu của chị và chị không nợ chị T số tiền này. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền 129.790.000đ (Một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền 76.825.000đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nhưng do hiện tại chị không có việc làm, thu nhập không có nên chị chỉ có khả năng trả cho chị T 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi trả xong số tiền này.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T1 không có mặt và đồng thời chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Chủ Thị T và chị Vi Thị Thanh T1 là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị Vi Thị Thanh T1 cư trú tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T1 không có mặt và đồng thời chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại

phiên tòa ngày 22/7/2022, bị đơn chị Vi Thị T T1 đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị T1 đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, chị T1 đã từ chối quyền được trình bày tại Tòa và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Vi Thị T T1.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Xuất phát từ việc thỏa thuận mua bán tài sản giữa chị T và chị T1 nên chị T1 có nợ tiền hàng của chị T và chị T đã có khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T1 phải trả số tiền 129.790.000đ (Một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu chị T1 phải trả cho chị số tiền là 76.825.000đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), thể hiện trong Hóa đơn giao nhận hàng. Kể từ ngày nợ tiền hàng cho đến nay chị T đã yêu cầu chị T1 phải trả nợ cho chị nhưng chị T1 không trả. Quá trình giải quyết vụ án, chị T1 cũng thừa nhận đã nợ tiền hàng của chị T như chị T trình bày là đúng nhưng do hiện tại chị không có việc làm, thu nhập không có nên chị chỉ có khả năng trả cho chị T 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi trả xong nhưng chị T không đồng ý. Xét đây là sự thỏa thuận mua bán tài sản giữa các bên, sự thỏa thuận đó phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, chị T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo sự thỏa thuận nhưng chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ T toán tiền hàng cụ thể còn nợ lại tiền hàng của chị T nên việc chị T khởi kiện yêu cầu chị T1 trả tiền hàng còn nợ lại là có căn cứ. Mặt khác giữa chị T và chị T1 thống nhất được số tiền hàng còn lại nhưng không thống nhất được thời gian và phương thức trả: Chị T1 đồng ý trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả nợ xong nhưng chị T không đồng ý và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc chị T khởi kiện yêu cầu chị T1 phải trả cho chị T 76.825.000đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật; đồng thời chị T không yêu cầu chị T1 phải trả tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Vi Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với vụ án dân sự có giá ngạch là 76.825.000đ x 5% = 3.841.250 đồng, làm tròn 3.841.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 430, điều 431, điều 433, điều 440, điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chử Thị T.

Buộc chị Vi Thị Thanh T1 phải trả cho chị Chử Thị T số tiền 76.825.000đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, chị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí: Chị Chử Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.240.000đ (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002796 ngày 01/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ.

Chị Vi Thị Thanh T1 phải chịu 3.841.000đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKSND thị xã;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thu Hiền